

I. NGÀNH: THÚ Y

Mã ngành, nghề: 6640101
Trình độ đào tạo: Cao đẳng
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
Thời gian khóa học: 2,5 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Ngành Thú y đào tạo ra cử nhân Thú y có kiến thức chuyên môn về lĩnh vực thú y. Thực hiện được việc chẩn đoán, tiên lượng và xác định được các bệnh thường xảy ra trên vật nuôi; Thực hiện được các quy trình phòng bệnh và xây dựng phác đồ điều trị các bệnh thường gặp trên vật nuôi; Làm thành thạo các thủ thuật, thao tác thú y như: Tiêm, truyền, phẫu thuật, cầm máu, gây mê, gây tê ... Thực hiện được các quy trình cơ bản về chăn nuôi gia súc, gia cầm; Thực hiện chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi thú y. Có khả năng thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau và đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1 Mục tiêu chung

Đào tạo ra cử nhân Thú y có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; có kiến thức chuyên môn ngành thú y. Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc độc lập tại các doanh nghiệp, kinh tế hộ gia đình, các cơ quan quản lý, nghiên cứu trong lĩnh vực thú y.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về phẩm chất chính trị và đạo đức

- Chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương chính sách của ngành;
- Thực hiện đầy đủ về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người công dân;
- Yêu nghề, gắn bó với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn;
- Lối sống lành mạnh, văn minh, trung thực;
- Có sức khỏe tốt để hoàn thành nhiệm vụ, công việc được giao.

2.2.2. Về kiến thức

- Trình bày được những kiến thức nền tảng cơ bản của ngành về: Giải phẫu động vật, sinh lý vật nuôi, được lý học, vi sinh vật thú y, ... trong các hoạt động chuyên ngành;
- Trình bày được kiến thức về bệnh truyền nhiễm, nội khoa, ngoại khoa, sản khoa và ký sinh trùng; dịch tễ học, vệ sinh thú y, các bệnh truyền lây và pháp luật về thú y;
- Trình bày được kiến thức về quy trình cơ bản chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Trình bày được các nội dung cơ bản về thiết kế, triển khai các đề tài nghiên cứu về lĩnh vực thú y;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, tin học theo quy định.

2.2.3. Về kỹ năng

- Thực hiện được việc chẩn đoán, tiên lượng và xác định được các bệnh thường xảy ra trên vật nuôi;
- Thực hiện được các quy trình phòng bệnh và xây dựng phác đồ điều trị các bệnh thường gặp trên vật nuôi;
- Làm thành thạo các thủ thuật, thao tác thú y như: Tiêm, truyền, phẫu thuật, cầm máu, gây mê, gây tê ...

- Thực hiện được các quy trình cơ bản về chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Thực hiện chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi thú y;

2.2.4. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Trung thực, có tính kỷ luật cao, tác phong công nghiệp, có khả năng tự tổng hợp tài liệu và làm việc theo nhóm;
- Có nhận thức sâu sắc về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp;
- Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo và luôn tự cập nhật thông tin.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại các cơ sở sản xuất hộ gia đình, doanh nghiệp, tại các cơ sở nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, kinh doanh, tư vấn kỹ thuật của ngành Thú y như: Dịch vụ thú y, thuốc thú y; trang trại, ... và có khả năng quản lý đội, tổ, nhóm.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2.280/86 (giờ/tín chỉ)
- Số lượng môn học, mô đun: 29
- Khối lượng học tập các môn học chung: 435/19 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng học tập các mô đun chuyên môn: 1.845/67 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: 607 giờ; thực hành, thực tập: 1.584 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

6. Nội dung chương trình

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Trong đó			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập, thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
MH01	Tiếng Anh 1	2	60	21	36	3
MH02	Tiếng Anh 2	2	60	21	36	3
MH03	Tin học	3	75	15	58	2
MH04	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
MH05	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH06	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
MH07	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
II	Các mô đun chuyên môn					
II.1	Các mô đun cơ sở	12	255	105	133	17
MĐ08	Kỹ năng giao tiếp	2	45	15	27	3

MĐ09	Giải phẫu động vật	3	60	30	26	4
MĐ10	Sinh lý động vật nuôi	2	45	15	27	3
MĐ11	Vi sinh thú y	2	45	15	27	3
MĐ12	Dược lý thú y	3	60	30	26	4
II.2	Các mô đun chuyên môn	34	690	330	314	46
MĐ13	Chẩn đoán thú y	3	60	30	26	4
MĐ14	Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm	3	60	30	26	4
MĐ15	Bệnh nội khoa thú y	3	60	30	26	4
MĐ16	Kỹ thuật chăn nuôi lợn	3	60	30	26	4
MĐ17	Ngoại khoa thú y	3	60	30	26	4
MĐ18	Sản khoa thú y	3	60	30	26	4
MĐ19	Kỹ thuật chăn nuôi trâu bò	3	60	30	26	4
MĐ20	Kỹ thuật chăn nuôi chó mèo	2	45	15	27	3
MĐ21	Bệnh ký sinh trùng thú y	3	60	30	26	4
MĐ22	Bệnh truyền nhiễm chung và gia cầm	3	60	30	26	4
MĐ23	Bệnh truyền nhiễm gia súc	3	60	30	26	4
MĐ24	Luật thú y	2	45	15	27	3
II.3	Các mô đun thực tập	19	855	0	855	0
MĐ25	Thực tập cơ sở 1	3	135	0	135	0
MĐ26	Thực tập cơ sở 2	3	135	0	135	0
MĐ27	Thực tập cơ sở 3	3	135	0	135	0
MĐ28	Thực tập tốt nghiệp	10	450	0	450	0
II.4	Các mô đun tự chọn, nâng cao	2	45	15	27	3
MĐ29a	Độc chất thú y	2	45	15	27	3
MĐ29b	Dịch tễ học	2	45	15	27	3
Tổng cộng		86	2280	607	1584	89